

Bản án số: 08/2017/DS - ST

Ngày 16 – 11 - 2017

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH - TỈNH THÁI BÌNH**

**Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có**

*Thẩm phán - Chủ tọa Phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Hiền

*Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trần Thị Thu Hương.

2. Ông Hoàng Văn Đức.

*Thư ký ghi biên bản Phiên tòa:* Bà Vũ Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án.

*Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tham gia Phiên tòa:* Bà Nhâm Thị Thanh Huyền.

Ngày 16 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 22/2017/TLST-DS ngày 21 tháng 7 năm 2017 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2017/QĐXX-DS ngày 17 tháng 10 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2017/QĐST-DS ngày 02 tháng 11 năm 2017, giữa:

**Nguyên đơn: - Bà Vũ Thị T** - sinh năm 1968

Đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Số nhà 03, phố T, Tổ 4, phường Đ, thành phố B, tỉnh Thái Bình.

**- Ông Trần Thanh C** - sinh năm 1960

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Phòng 1007, tòa nhà H, ngõ 376, đường B, phường P, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Nơi cư trú: Số nhà 03, phố T, Tổ 4, phường Đ, thành phố B, tỉnh Thái Bình.

(Ông Trần Thanh C ủy quyền cho bà Vũ Thị T tham gia tố tụng tại Tòa án).

**Bị đơn: Ông Lương Ngọc P** - sinh năm 1948.

Đăng ký hộ khẩu thường trú: SN 463, đường L, Tổ 16, phường Q, Thành phố

B, tỉnh Thái Bình

Nơi cư trú: Số nhà 07, đường L, Tổ 12, phường B, thành phố B, tỉnh Thái Bình.

(Tại Phiên tòa vắng mặt nguyên đơn: bà Vũ Thị T và ông Trần Thanh C có đơn xin xét xử vắng mặt; vắng mặt bị đơn: ông Lương Ngọc P).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/6/2017, đơn khởi kiện sửa đổi bổ sung đề ngày 17/7/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Vũ Thị T trình bày và có yêu cầu như sau:*

Gia đình bà và ông Lương Ngọc P có quan hệ thân quen nhau nên bà và chồng là ông Trần Thanh C đã cho ông Lương Ngọc P vay khoản tiền 2.664.000.000 đồng từ trước năm 2012, mục đích để giải quyết công việc riêng của ông P. Nguồn tiền cho ông P vay là tài sản chung của bà và ông Trần Thanh C. Ngày 01/01/2012 hai bên thực hiện việc chốt nợ, ông P đã viết giấy biên nhận vay của bà và ông C số tiền 2.664.000.000 đồng. Đây là khoản cho vay không có thời hạn và không tính lãi. Sau đó vì cần tiền nên bà có yêu cầu ông P trả nợ nhiều lần nhưng ông P không trả, đến ngày 14/5/2016 ông P có viết giấy cam kết thanh toán đầy đủ số nợ trên cho vợ chồng bà trước ngày 15/8/2016. Tuy nhiên đến nay đã quá thời hạn trả nợ nhưng ông P vẫn không trả khoản nợ trên cho vợ chồng bà, vì vậy bà và ông C làm đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Lương Ngọc P phải trả toàn bộ và trả ngay cho vợ chồng bà số tiền nợ gốc là 2.664.000.000 đồng; trả tiền nợ lãi còn lại tính đến trước ngày 01/01/2012 (ngày chốt nợ) là 24.500.000 đồng; trả tiền lãi do chậm trả là 10%/năm đối với khoản nợ gốc 2.664.000.000 đồng tính từ ngày 15/8/2016 đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ gốc, tạm tính đến ngày khởi kiện (15/7/2017) là 244.200.000 đồng, tổng cộng 2.932.700.000 đồng. Bà T xác định đây là khoản nợ bà và ông C cho ông Lương Ngọc P vay riêng, không liên quan đến người khác.

Bị đơn là ông Lương Ngọc P trình bày: Thời gian nợ và số nợ như bà T trình bày là đúng. Ông có vay tiền của bà Vũ Thị T, ông Trần Thanh C với mục đích để giải quyết công việc riêng, ngày 01/01/2012 ông và bà T, ông C đã tiến hành chốt nợ số tiền 2.664.000.000 đồng thể hiện tại giấy biên nhận ngày 01/01/2012, khoản vay này không có thời hạn và không tính lãi. Ngày 14/5/2016 ông có cam kết trả số

nợ trên cho bà T, ông C trước ngày 15/8/2016 nhưng đến nay ông vẫn chưa trả được khoản nào. Đây là khoản tiền ông nợ riêng bà T, ông C không liên quan đến người khác.

Nay bà T, ông C khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông trả nợ, về khoản nợ gốc: Ông đồng ý sẽ trả khoản nợ gốc 2.664.000.000 đồng cho bà T, ông C nhưng sẽ trả dần trong vòng hai năm, không thể trả hết một lần như yêu cầu của bà T, ông C.

Về số nợ lãi còn lại trước ngày 01/01/2012 (ngày chốt nợ) là 24.500.000 đồng ông không đồng ý trả, vì các khoản nợ trước khi chốt nợ đã thanh toán hết.

Về yêu trả tiền lãi do chậm trả là 10%/năm đối với khoản nợ gốc 2.664.000.000 đồng tính từ ngày 15/8/2016 đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ gốc, số lãi tạm tính đến ngày khởi kiện (15/7/2017) là 244.200.000 đồng: Ông P đề nghị bà T, ông C rút yêu cầu đối với ông vì hoàn cảnh kinh tế của ông hiện nay khó khăn, không có khả năng trả được nợ lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà T, ông C rút yêu cầu đối với khoản nợ lãi còn lại trước ngày 01/01/2012, số tiền 24.500.000 đồng; rút yêu cầu buộc ông P phải trả tiền lãi do chậm trả là 10%/năm đối với khoản nợ gốc 2.664.000.000 đồng tính từ ngày 15/8/2016 đến khi bản án có hiệu lực pháp luật tạm tính đến ngày khởi kiện (15/7/2017) là 244.200.000 đồng. Bà T, ông C giữ nguyên yêu cầu ông Lương Ngọc P trả một lần và trả ngay toàn bộ số tiền nợ gốc 2.664.000.000 đồng và yêu cầu ông P trả lãi suất chậm trả đối với khoản nợ gốc nếu ông P không thực hiện nghĩa vụ trả nợ kể từ khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Đại diện VKSND thành phố Thái Bình phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự và có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt trong các phiên tòa xét xử không có lý do.

Về nội dung: Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự 2015, đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Bị đơn là ông Lương Ngọc P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Đây là tranh chấp Hợp đồng vay tài sản, bị đơn là ông Lương Ngọc P, đăng ký hộ khẩu thường trú: SN 463, đường L, Tổ 16, phường Q Thành phố B, tỉnh Thái Bình và có nơi cư trú: Số nhà 07, đường L, tổ 12, phường B, thành phố B, tỉnh Thái Bình, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại Phiên tòa nguyên đơn là bà Vũ Thị T và ông Trần Thanh C vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn là ông Lương Ngọc P đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy căn cứ khoản 1; điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình xét xử vắng mặt các đương sự.

Về áp dụng pháp luật giải quyết vụ án: Giao dịch dân sự được thực hiện xong trước ngày Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành do vậy áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết.

Về nội dung: Căn cứ vào giấy biên nhận ngày 01/01/2012 và lời khai của các bên đương sự cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định có việc ông Lương Ngọc P vay bà Vũ Thị T và ông Trần Thanh C số tiền 2.664.000.000 đồng, đây là khoản vay không có thời hạn và không có lãi. Tuy nhiên ngày 14/5/2016 ông Lương Ngọc P có “Giấy cam kết trả nợ” cho bà T, ông C, thời hạn trả là trước ngày 15/8/2016, như vậy khoản nợ chuyển thành có nợ có thời hạn và không tính lãi. Đến thời hạn trả nợ ông P không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như cam kết nên bà T, ông C có quyền yêu cầu ông P trả tiền.

Quá trình giải quyết vụ án ông P đồng ý trả khoản nợ 2.664.000.000 đồng cho bà Vũ Thị T và ông Trần Thanh C nhưng xin được trả dần trong hai năm do hoàn cảnh khó khăn, bà T và ông C không chấp nhận mà yêu cầu trả ngay và trả một lần. Yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở, đúng pháp luật cần chấp nhận.

Đối với khoản nợ lãi còn lại tính đến ngày 01/01/2012, số tiền 24.500.000 đồng và tiền lãi do chậm trả từ ngày 15/8/2016 đến thời điểm khởi kiện tạm tính là 244.200.000 đồng và yêu cầu tiếp tục phải trả lãi do chậm thanh toán cho đến khi bản án có hiệu lực pháp luật đối với ông Lương Ngọc P, trong quá trình giải quyết

vụ án bà Vũ Thị T và ông Trần Thanh C đã rút yêu cầu, xét việc rút yêu cầu là tự nguyện, đúng pháp luật, do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Xét việc bà Vũ Thị T và ông Trần Thanh C cho ông Lương Ngọc P vay 2.664.000.000 đồng là có thật, việc vi phạm nghĩa vụ trả nợ của ông P làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của nguyên đơn, do vậy có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Về án phí: Do yêu cầu của Nguyên đơn được chấp nhận nên Nguyên đơn không phải nộp án phí, ông Lương Ngọc P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 150, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, 273, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 285; 290; 471; 474; 478 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự 2014;

Căn cứ Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**1. Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị T và ông Trần Thanh C đối với ông Lương Ngọc P.

Buộc ông Lương Ngọc P phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Vũ Thị T và ông Trần Thanh C số tiền 2.664.000.000 đồng (Hai tỉ sáu trăm sáu mươi tư triệu đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

**2. Về án phí:** Ông Lương Ngọc P phải chịu 85.280.000 đồng (Tám mươi lăm triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại bà Vũ Thị T và ông Trần Thanh C số tiền 45.000.000 đồng (*Bằng chữ: Bốn mươi lăm triệu đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, biên lai thu số 0006564 ngày 21/7/2017.

**3. Về quyền kháng cáo:** Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Bà Vũ Thị T, ông Trần Thanh C, ông Lương Ngọc P có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND TP Thái Bình;
- Chi cục THADS TP Thái Bình;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

*(Đã ký)*

**Nguyễn Thị Thu Hiền**